



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (MLV004) - Số Tín Chỉ: 2

Nhóm Thi Nhóm Thi 49AP - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 02/12/15 Tiết BD 5 - Số Tiết 2 Phòng thi A9-202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520201154	NGUYỄN DUY AN	07/10/94	118112411					
2	K125520216217	PHẠM TUẤN ANH	06/01/94	118112411					
3	K135520216004	TRẦN THANH BẰNG	01/11/95	118113411					
4	K125520103321	ĐỖ BÌNH	04/10/94	118112111					
5	K135520201132	TRẦN THANH BÌNH	13/07/94	118113411					
6	K135520103161	LÊ TÙNG DƯƠNG	14/08/95	118113111					
7	K135520201025	BÙI THỊ HÀ	12/08/95	118113411					
8	K145520103094	PHẠM VĂN HẢO	20/05/95	118114151					
9	K135520103237	NGUYỄN VĂN HÂN	11/11/95	118113111					
10	K125520103354	DƯƠNG VĂN HIẾU	14/11/94	118112111					
11	K135520320030	NGUYỄN THỊ THANH HÒA	07/09/95	118113411					
12	K125520216095	VŨ MINH HOÀNG	28/05/94	118112411					
13	K135140214006	LƯU THỊ HỢI	09/04/95	118113411					
14	K125520201190	NGUYỄN HỮU HUY	17/10/93	118112411					
15	K125510601013	TRẦN VĂN HUY	29/08/94	118112411					
16	K145905228004	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	08/08/96	118114431					
17	K135520103473	PHẠM TIẾN HƯNG	05/01/95	118113111					
18	K125520103360	VŨ NGỌC KHÁNH	16/05/94	118112411					

Số S/V Trong Danh Sách: 18 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

CB COI THI (CHẤM THI) 2

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học **Tư tưởng Hồ Chí Minh (MLV004) - Số Tín Chỉ: 2**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 49AP - Tổ 002 - Đợt 2**

Ngày Thi **02/12/15** Tiết BD **5 - Số Tiết 2** Phòng thi **A9-203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520216034	ĐỖ HỮU KHÔI	20/09/94	118112411					
2	K125520103144	LÊ TÙNG LÂM	24/07/94	118112111					
3	K125520201104	NGUYỄN VIỆT NAM	19/12/94	118112411					
4	K135140214012	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	13/11/95	118113411					
5	K125520114034	ĐÀO NGỌC PHI	08/05/94	118112111					
6	K135520207119	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	01/05/95	118113411					
7	K125520216246	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	27/01/94	118112411					
8	K135580201090	TRỊNH ĐẮC SĨ	05/04/95	118113411					
9	K135520216046	BÙI MINH THÀNH	10/09/95	118113411					Cấm Thi
10	K135520207085	HÀ HỮU THÀNH	28/08/95	118113411					
11	K125520114059	NGUYỄN VĂN THÀNH	14/07/94	118112411					
12	K135520216107	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	20/08/95	118113411					
13	K135520207131	TẠ QUANG TIẾN	23/10/94	118113411					
14	K135520201237	DƯƠNG VĂN TỈNH	24/01/95	118113411					
15	K135520207135	NGUYỄN THỊ TRANG	01/03/95	118113411					
16	K135520114115	ĐỒNG VĂN TÙNG	25/08/95	118113111					
17	K135520201245	HOÀNG THANH TÙNG	20/10/95	118113411					Cấm Thi

Số S/V Trong Danh Sách: 17 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày _____ tháng _____ năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học **Giáo dục thể chất 3 (PHY103) - Số Tín Chỉ:**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 49AP - Tổ 001 - Đợt 2**

Ngày Thi **04/12/15** Tiết BD **1** - Số Tiết **2** Phòng thi **STD**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SỐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K135520103222	ĐỒNG TUẤN	ANH	05/02/95	118113111					Cấm Thi
2	K135520216062	PHAN LÊ ĐỨC	ANH	16/04/95	118113411					Cấm Thi
3	K135520216004	TRẦN THANH	BẰNG	01/11/95	118113411					
4	K135520201132	TRẦN THANH	BÌNH	13/07/94	118113411					
5	K145520114011	LƯU TIẾN	DŨNG	28/08/96	118114151					
6	K145905218006	ĐÀM XUÂN	DUY	04/06/96	118114151					
7	K135520103161	LÊ TÙNG	DƯƠNG	14/08/95	118113111					
8	K145905228020	VŨ HOÀNG	DƯƠNG	02/09/95	118114431					
9	K135520207098	VƯƠNG QUẢNG	ĐÔNG	25/07/95	118113411					Cấm Thi
10	K145580201011	LƯƠNG BẰNG	GIANG	18/02/92	118114151					
11	K135520201025	BÙI THỊ	HÀ	12/08/95	118113411					
12	K135140214035	NGUYỄN THU	HÀ	06/01/95	118113411					Cấm Thi
13	K135520103237	NGUYỄN VĂN	HÂN	11/11/95	118113111					
14	K135520216076	NGUYỄN MINH	HIẾU	30/12/95	118113411					Cấm Thi
15	K135520320030	NGUYỄN THỊ THANH	HÒA	07/09/95	118113411					
16	K135520103179	BÙI HUY	HOÀNG	07/03/95	118113111					Cấm Thi
17	K135520103477	PHẠM HUY	HOÀNG	07/05/95	118113111					
18	K135140214006	LƯU THỊ	HỢI	09/04/95	118113411					
19	K135520216228	NGUYỄN QUANG	HUÂN	04/03/95	118113411					Cấm Thi
20	K145510202007	ĐẶNG LÊ	HƯNG	06/09/96	118114151					
21	K135140214096	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	02/08/94	118113411					Cấm Thi
22	K135520103473	PHẠM TIẾN	HƯNG	05/01/95	118113111					
23	K145905218008	LÊ PHƯỚC	KHÁNH	16/09/96	118114151					
24	K135520103256	ĐẶNG DUY	LINH	17/12/95	118113111					Cấm Thi
25	K135520216154	VŨ ĐỨC	LƯƠNG	26/08/94	118113411					Cấm Thi
26	K145905228006	PHAN THỊ HỒNG	MAI	09/02/96	118114151					
27	K145520103315	PHẠM XUÂN	MỪNG	08/01/95	118114151					
28	K135520103260	HOÀNG NGỌC	NAM	04/04/94	118113111					Cấm Thi
29	K145520103364	NINH VĂN	NAM	03/03/96	118114151					
30	K145520103269	TRẦN NGỌC	NAM	23/05/96	118114151					
31	K135140214012	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	13/11/95	118113411					

Số S/V Trong Danh Sách: 31 . Số S/V Dự Thi : _____

Ngày _____ tháng _____ năm 201__
NGƯỜI LẬP

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

CB COI THI (CHẤM THI) 2

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học **Giáo dục thể chất 3 (PHY103) - Số Tín Chỉ:**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 49AP - Tổ 002 - Đợt 2**

Ngày Thi **04/12/15** **Tiết BD 1 - Số Tiết 2** **Phòng thi STD 1 TT**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SỐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K135520114039	TRẦN HỒNG	PHÚC	04/03/95	118113111					Cấm Thi
2	K135520207119	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	01/05/95	118113411					
3	K145520201054	PHẠM MINH	QUANG	07/10/96	118114431					
4	K135140214113	VƯƠNG NGỌC	QUANG	17/12/95	118113411					Cấm Thi
5	K135580201090	TRỊNH ĐẮC	SĨ	05/04/95	118113411					
6	K145905218012	TRẦN	SÙNG	29/11/95	118114151					
7	K145520103280	TRỊNH NGỌC	TÂN	08/11/96	118114151					
8	K135520216046	BÙI MINH	THÀNH	10/09/95	118113411					Cấm Thi
9	K135520207085	HÀ HỮU	THÀNH	28/08/95	118113411					
10	K145905228024	NGÔ MINH	THÀNH	10/03/96	118114431					
11	K135520216356	NGUYỄN CÔNG	THỌ	07/01/95	118113411					Cấm Thi
12	K135520216107	NGUYỄN ĐỨC	THƯỜNG	20/08/95	118113411					
13	K135520207131	TẠ QUANG	TIẾN	23/10/94	118113411					
14	K135520216111	VŨ ĐỨC	TIẾN	15/05/95	118113411					Cấm Thi
15	K135520201237	DƯƠNG VĂN	TÌNH	24/01/95	118113411					
16	K135520207135	NGUYỄN THỊ	TRANG	01/03/95	118113411					
17	K145140214016	NGUYỄN CÔNG	TRÌNH	07/09/96	118114151					
18	K145905218017	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	02/08/96	118114151					
19	K135520201188	HOÀNG MẠNH	TRUNG	10/09/95	118113411					Cấm Thi
20	K145905218020	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	12/07/96	118114151					
21	K135520103143	DƯƠNG THANH	TUẤN	23/09/94	118113111					Cấm Thi
22	K135520103141	NGUYỄN CÔNG	TUẤN	17/06/94	118113111					Cấm Thi
23	K135520103442	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	20/09/95	118113111					
24	K135520114115	ĐỒNG VĂN	TÙNG	25/08/95	118113111					
25	K135520201245	HOÀNG THANH	TÙNG	20/10/95	118113411					Cấm Thi
26	K145520103054	NGUYỄN THANH	TÙNG	02/12/96	118114151					
27	K145905218013	TRIỆU QUANG	TÙNG	21/05/96	118114151					
28	K145520216133	NGUYỄN VĂN	VIỆT	14/10/93	118114151					
29	K135520103071	PHAN LÂM	VINH	19/04/95	118113111					Cấm Thi
30	K145520103229	CHU THẾ	VŨ	15/11/96	118114151					

Số S/V Trong Danh Sách: 30 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày _____ tháng _____ năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Khoa học về điện (CS1113) - Số Tín Chỉ: 3

Nhóm Thi Nhóm Thi 48PI - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 03/12/15 Tiết BD 5 - Số Tiết 2 Phòng thi A9-202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K135520216004	TRẦN THANH BẢNG	01/11/95	118113411					
2	K135520201132	TRẦN THANH BÌNH	13/07/94	118113411					
3	HQ1452020101	NGUYỄN THỊ THÙY	11/11/96	HQ22K.01					
4	K135520207098	VƯƠNG QUẢNG ĐÔNG	25/07/95	118113411					Cấm Thi
5	K125520201171	DƯƠNG MINH ĐỨC	29/12/94	118112411					
6	K135520201025	BÙI THỊ HÀ	12/08/95	118113411					
7	HQ1452020103	LẠI THẾ HÀ	07/08/94	HQ22K.01					
8	HQ1452020104	LÊ VĂN HOÀN	23/06/88	HQ22K.01					
9	K135140214006	LƯU THỊ HỢI	09/04/95	118113411					
10	K125520103360	VŨ NGỌC KHÁNH	16/05/94	118112411					
11	K135140214012	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	13/11/95	118113411					
12	CPC115007	KET NORIN	18/04/94	118112411					
13	K135520207119	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	01/05/95	118113411					
14	K135580201090	TRỊNH ĐẮC SĨ	05/04/95	118113411					
15	K125520201116	LÃNG NGỌC THÀNH	10/01/94	118112411					
16	K135520216107	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	20/08/95	118113411					
17	K135520207131	TẠ QUANG TIẾN	23/10/94	118113411					
18	K135520207135	NGUYỄN THỊ TRANG	01/03/95	118113411					

Số S/V Trong Danh Sách: 18 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

CB COI THI (CHẤM THI) 2

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

. Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Phân tích mạch 1 (ECE272) - Số Tín Chỉ: 3

Nhóm Thi Nhóm Thi 47PI - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 04/12/15 **Tiết BD** 1 - Số Tiết 2 **Phòng thi** A9-204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520201154	NGUYỄN DUY	AN	07/10/94	118112411					
2	K125520216217	PHẠM TUẤN	ANH	06/01/94	118112411					
3	DTK1151030067	BÙI HUY	BÌNH	30/04/91	118111411					
4	DTK1151020008	BÙI TRUNG	DOANH	14/02/93	118111411					
5	DTK1151020001	DƯ NGỌC	ĐĂNG	04/12/93	118111411					
6	K125520201171	DƯƠNG MINH	ĐỨC	29/12/94	118112411					
7	K125520216016	NGUYỄN TRỌNG	GIÁP	16/08/94	118112411					
8	DTK1151020074	NGUYỄN MẠNH	HẢI	05/11/93	118111411					
9	K125520201250	PHÙNG THANH	HẢI	10/06/94	118112411					
10	K125520216095	VŨ MINH	HOÀNG	28/05/94	118112411					
11	DTK1151020189	NGUYỄN KHẮC	HỒNG	22/06/92	118111411					
12	DTK1151030288	THÂN THỊ	HUẾ	10/10/92	118111411					
13	K125520201190	NGUYỄN HỮU	HUY	17/10/93	118112411					
14	K125510601013	TRẦN VĂN	HUY	29/08/94	118112411					
15	K125520103360	VŨ NGỌC	KHÁNH	16/05/94	118112411					

Số S/V Trong Danh Sách: 15 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học **Phân tích mạch 1 (ECE272) - Số Tín Chỉ: 3**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 47PI - Tổ 002 - Đợt 2**

Ngày Thi **04/12/15** Tiết BD **1 - Số Tiết 2** Phòng thi **A9-301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SỐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520216034	ĐỖ HỮU KHÔI	20/09/94	118112411					
2	DTK1151020033	PHAN VĂN MẬU	03/09/93	118111411					
3	K125520201104	NGUYỄN VIỆT NAM	19/12/94	118112411					
4	K125580201041	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	25/12/94	118112411					
5	K125520216246	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	27/01/94	118112411					
6	DTK1151030040	NGUYỄN HỮU QUÂN	18/07/93	118111411					
7	CPC105011	CHAN SAVON	19/06/88	118111411					
8	K125520201116	LÃNG NGỌC THÀNH	10/01/94	118112411					
9	K125520114059	NGUYỄN VĂN THÀNH	14/07/94	118112411					
10	DTK1151010364	ĐÀO VĂN THẮNG	26/09/93	118111411					
11	DTK1151030047	TRƯƠNG NGỌC THẮNG	19/02/93	118111411					
12	DTK1151020333	LÊ VĂN THỌ	01/02/93	118111411					
13	DTK1151030109	TRẦN QUỐC TOÀN	05/09/93	118111411					
14	K125520114102	HOÀNG THANH TÚ	05/12/94	118112411					
15	DTK1051020162	TỔNG VĂN TUYẾN	12/10/91	118111411					

Số S/V Trong Danh Sách: 15 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phương

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Các phương pháp thực nghiệm 1 (ECEN301) - Số Tín Chỉ: 1

Nhóm Thi Nhóm Thi 48PI - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 05/12/15 Tiết BD 1 - Số Tiết 2 Phòng thi A9-201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SỐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520201154	NGUYỄN DUY AN	07/10/94	118112411					
2	K125520216217	PHẠM TUẤN ANH	06/01/94	118112411					
3	K135520216004	TRẦN THANH BẰNG	01/11/95	118113411					
4	K135520201132	TRẦN THANH BÌNH	13/07/94	118113411					
5	HQ1452020101	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	11/11/96	HQ22K.01					
6	K135520207098	VƯƠNG QUẢNG ĐÔNG	25/07/95	118113411					Cấm Thi
7	K125520201171	DƯƠNG MINH ĐỨC	29/12/94	118112411					
8	K125520216016	NGUYỄN TRỌNG GIÁP	16/08/94	118112411					
9	K135520201025	BÙI THỊ HÀ	12/08/95	118113411					
10	HQ1452020103	LẠI THẾ HÀ	07/08/94	HQ22K.01					
11	K135140214035	NGUYỄN THU HÀ	06/01/95	118113411					Cấm Thi
12	K135520320030	NGUYỄN THỊ THANH HÒA	07/09/95	118113411					
13	HQ1452020104	LÊ VĂN HOÀN	23/06/88	HQ22K.01					
14	K125520216095	VŨ MINH HOÀNG	28/05/94	118112411					
15	K135140214006	LƯU THỊ HỢI	09/04/95	118113411					
16	K135520216228	NGUYỄN QUANG HUÂN	04/03/95	118113411					Cấm Thi
17	K125520201190	NGUYỄN HỮU HUY	17/10/93	118112411					
18	K125510601013	TRẦN VĂN HUY	29/08/94	118112411					
19	K135140214096	NGUYỄN VIỆT HƯNG	02/08/94	118113411					Cấm Thi
20	K125520103360	VŨ NGỌC KHÁNH	16/05/94	118112411					

Số S/V Trong Danh Sách: 20 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Các phương pháp thực nghiệm 1 (ECEN301) - Số Tín Chỉ: 1

Nhóm Thi Nhóm Thi 48PI - Tổ 002 - Đợt 2

Ngày Thi 05/12/15 Tiết BD 1 - Số Tiết 2 Phòng thi A9-202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SỐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520216034	ĐỖ HỮU KHÔI	20/09/94	118112411					
2	K125520201104	NGUYỄN VIỆT NAM	19/12/94	118112411					
3	K135140214012	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	13/11/95	118113411					
4	CPC115007	KET NORIN	18/04/94	118112411					
5	K125580201041	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	25/12/94	118112411					
6	K135520207119	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	01/05/95	118113411					
7	K135140214113	VƯƠNG NGỌC QUANG	17/12/95	118113411					Cấm Thi
8	K125520216246	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	27/01/94	118112411					
9	K135580201090	TRỊNH ĐẮC SĨ	05/04/95	118113411					
10	K135520216046	BÙI MINH THÀNH	10/09/95	118113411					Cấm Thi
11	K135520207085	HÀ HỮU THÀNH	28/08/95	118113411					
12	K125520201116	LÃNG NGỌC THÀNH	10/01/94	118112411					
13	K125520114059	NGUYỄN VĂN THÀNH	14/07/94	118112411					
14	K135520216356	NGUYỄN CÔNG THỌ	07/01/95	118113411					Cấm Thi
15	K135520216107	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	20/08/95	118113411					
16	K135520207131	TẠ QUANG TIẾN	23/10/94	118113411					
17	K135520201237	DƯƠNG VĂN TÌNH	24/01/95	118113411					
18	K135520207135	NGUYỄN THỊ TRANG	01/03/95	118113411					
19	K125520114102	HOÀNG THANH TÚ	05/12/94	118112411					
20	K135520201245	HOÀNG THANH TÙNG	20/10/95	118113411					Cấm Thi

Số S/V Trong Danh Sách: 20 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

CB COI THI (CHẤM THI) 2

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Các phương pháp thực nghiệm 3 (ECEN303) - Số Tín Chỉ: 1

Nhóm Thi Nhóm Thi 47PI - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 08/12/15 Tiết BD 1 - Số Tiết 2 Phòng thi A9-201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SỐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	DTK1151030067	BÙI HUY BÌNH	30/04/91	118111411					
2	DTK1151020008	BÙI TRUNG DOANH	14/02/93	118111411					
3	DTK1151020070	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	06/06/93	118111411					Cấm Thi
4	DTK1151020001	DƯ NGỌC ĐĂNG	04/12/93	118111411					
5	DTK1051020624	PHẠM HỒNG HÀ	25/02/92	118110411					
6	DTK1151020074	NGUYỄN MẠNH HẢI	05/11/93	118111411					
7	DTK1051020025	LƯƠNG TRUNG HIẾU	18/08/92	118110411					
8	DTK1051030311	BÙI KHẮC HOÀNG	08/01/92	118110411					Cấm Thi
9	DTK1151020189	NGUYỄN KHẮC HỒNG	22/06/92	118111411					
10	DTK1151030288	THÂN THỊ HUẾ	10/10/92	118111411					
11	DTK1151020033	PHAN VĂN MẬU	03/09/93	118111411					
12	DTK1151030040	NGUYỄN HỮU QUÂN	18/07/93	118111411					
13	CPC105011	CHAN SAVON	19/06/88	118111411					
14	DTK1151010364	ĐÀO VĂN THẮNG	26/09/93	118111411					
15	DTK1151030047	TRƯƠNG NGỌC THẮNG	19/02/93	118111411					
16	DTK1151020043	HOÀNG VĂN THỊNH	18/01/93	118111411					Cấm Thi
17	DTK1151020333	LÊ VĂN THỌ	01/02/93	118111411					
18	DTK1151030109	TRẦN QUỐC TOÀN	05/09/93	118111411					
19	DTK1051020162	TỔNG VĂN TUYẾN	12/10/91	118111411					
20	DTK1151030114	PHẠM ĐÌNH VĂN	12/04/88	118111411					Cấm Thi

Số S/V Trong Danh Sách: 20 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học **Linh kiện điện tử và ứng dụng 1 (ECEN331) - Số Tín Chi: 3**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 48PI - Tổ 001 - Đợt 2**

Ngày Thi **09/12/15** Tiết BD **1 - Số Tiết 2** Phòng thi **A9-201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SốT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520201154	NGUYỄN DUY	AN	07/10/94	118112411					
2	K125520216217	PHẠM TUẤN	ANH	06/01/94	118112411					
3	HQ1452020101	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	11/11/96	HQ22K.01					
4	K125520201171	DƯƠNG MINH	ĐỨC	29/12/94	118112411					
5	K125520216016	NGUYỄN TRỌNG	GIÁP	16/08/94	118112411					
6	HQ1452020103	LẠI THẾ	HÀ	07/08/94	HQ22K.01					
7	K125520201250	PHÙNG THANH	HẢI	10/06/94	118112411					
8	HQ1452020104	LÊ VĂN	HOÀN	23/06/88	HQ22K.01					
9	K125520216095	VŨ MINH	HOÀNG	28/05/94	118112411					
10	K125520201190	NGUYỄN HỮU	HUY	17/10/93	118112411					
11	K125510601013	TRẦN VĂN	HUY	29/08/94	118112411					
12	K125520103360	VŨ NGỌC	KHÁNH	16/05/94	118112411					
13	K125520216034	ĐỖ HỮU	KHÔI	20/09/94	118112411					
14	K125520201104	NGUYỄN VIỆT	NAM	19/12/94	118112411					
15	CPC115007	KET	NORIN	18/04/94	118112411					
16	K125580201041	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	25/12/94	118112411					
17	K125520216246	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	27/01/94	118112411					
18	K125520201116	LÃNG NGỌC	THÀNH	10/01/94	118112411					
19	K125520114059	NGUYỄN VĂN	THÀNH	14/07/94	118112411					
20	K125520114102	HOÀNG THANH	TÚ	05/12/94	118112411					

Số S/V Trong Danh Sách: 20 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học **Phân tích mạng 1 (ECEN371) - Số Tín Chi: 3**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 48PI - Tổ 001 - Đợt 2**

Ngày Thi **11/12/15** Tiết BD **1 - Số Tiết 2** Phòng thi **A9-202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520201154	NGUYỄN DUY AN	07/10/94	118112411					
2	K125520216217	PHẠM TUẤN ANH	06/01/94	118112411					
3	K135520216004	TRẦN THANH BẰNG	01/11/95	118113411					
4	K135520201132	TRẦN THANH BÌNH	13/07/94	118113411					
5	K125520201171	DƯƠNG MINH ĐỨC	29/12/94	118112411					
6	K125520216016	NGUYỄN TRỌNG GIÁP	16/08/94	118112411					
7	K135520201025	BÙI THỊ HÀ	12/08/95	118113411					
8	DTK1051020438	HOÀNG HÀ	01/03/92	118110411					
9	HQ1452020103	LẠI THẾ HÀ	07/08/94	HQ22K.01					
10	K125520201250	PHÙNG THANH HẢI	10/06/94	118112411					
11	K125520216095	VŨ MINH HOÀNG	28/05/94	118112411					
12	K125520201190	NGUYỄN HỮU HUY	17/10/93	118112411					
13	K125510601013	TRẦN VĂN HUY	29/08/94	118112411					
14	K125520103360	VŨ NGỌC KHÁNH	16/05/94	118112411					
15	K125520216034	ĐỖ HỮU KHÔI	20/09/94	118112411					
16	K125520201104	NGUYỄN VIỆT NAM	19/12/94	118112411					
17	K135140214012	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	13/11/95	118113411					
18	CPC115007	KET NORIN	18/04/94	118112411					
19	K125580201041	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	25/12/94	118112411					
20	K135520207119	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	01/05/95	118113411					
21	K125520216246	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	27/01/94	118112411					
22	K125520201116	LÃNG NGỌC THÀNH	10/01/94	118112411					
23	K125520114059	NGUYỄN VĂN THÀNH	14/07/94	118112411					
24	K135520216107	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	20/08/95	118113411					
25	K135520207131	TẠ QUANG TIẾN	23/10/94	118113411					
26	K135520207135	NGUYỄN THỊ TRANG	01/03/95	118113411					
27	K125520114102	HOÀNG THANH TÚ	05/12/94	118112411					

Số S/V Trong Danh Sách: 27 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phương

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Thiết kế mạch điện tử tuyến tính (ECEN431) - Số Tín Chỉ: 3

Nhóm Thi Nhóm Thi 48PI - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 08/12/15 Tiết BD 3 - Số Tiết 2 Phòng thi A9-202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520201154	NGUYỄN DUY AN	07/10/94	118112411					
2	K125520216217	PHẠM TUẤN ANH	06/01/94	118112411					
3	K125520201171	DƯƠNG MINH ĐỨC	29/12/94	118112411					
4	K125520216016	NGUYỄN TRỌNG GIÁP	16/08/94	118112411					
5	HQ1452020103	LẠI THẾ HÀ	07/08/94	HQ22K.01					
6	K125520201250	PHÙNG THANH HẢI	10/06/94	118112411					
7	HQ1452020104	LÊ VĂN HOÀN	23/06/88	HQ22K.01					
8	K125520216095	VŨ MINH HOÀNG	28/05/94	118112411					
9	K125520201190	NGUYỄN HỮU HUY	17/10/93	118112411					
10	K125510601013	TRẦN VĂN HUY	29/08/94	118112411					
11	K125520103360	VŨ NGỌC KHÁNH	16/05/94	118112411					
12	K125520216034	ĐỖ HỮU KHÔI	20/09/94	118112411					
13	K125520201104	NGUYỄN VIỆT NAM	19/12/94	118112411					
14	CPC115007	KET NORIN	18/04/94	118112411					
15	K125580201041	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	25/12/94	118112411					
16	K125520216246	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	27/01/94	118112411					
17	K125520201116	LÃNG NGỌC THÀNH	10/01/94	118112411					
18	K125520114059	NGUYỄN VĂN THÀNH	14/07/94	118112411					
19	K125520114102	HOÀNG THANH TÚ	05/12/94	118112411					

Số S/V Trong Danh Sách: 19 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phương

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Sự PT của Trái đất và Hệ mặt trời 2 (GLY104) - Số Tín Chỉ: 3

Nhóm Thi Nhóm Thi 47PM - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 04/12/15 **Tiết BD** 1 - Số Tiết 2 **Phòng thi** A9-302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K125520103456	NGUYỄN BÙI THẾ BẢO	09/10/94	118112111					
2	K125520103321	ĐỖ BÌNH	04/10/94	118112111					
3	DTK1051010496	PHẠM VĂN DŨNG	27/08/91	118111111					
4	DTK1151010337	ĐỒNG ĐỨC	25/08/93	118111111					
5	DTK1151060002	NGÔ TRUNG ĐỨC	23/04/93	118111111					
6	K125520103264	NGUYỄN VĂN ĐỨC	05/10/94	118112111					
7	PHI135004	MANALASTAS WILLIAM ERICK	04/01/95	118112111					
8	K125520216025	NGUYỄN HUY HOÀNG	17/10/94	118112111					
9	DTK1151010185	NGUYỄN QUỐC HUY	10/06/93	118111111					
10	DTK1151010134	ĐÀO THỊ THU HUYỀN	14/04/93	118111111					
11	DTK1151010345	LÊ DUY HƯNG	12/05/93	118111111					
12	PHI135001	BEBIT PREDILLA JAICA	08/11/94	118112111					
13	DTK1151010238	NGUYỄN BẢO KHÁNH	07/07/93	118111111					
14	PHI135005	MANALO LAUREL ZYRA KHRYSTYN	11/05/95	118112111					
15	K125520103144	LÊ TÙNG LÂM	24/07/94	118112111					
16	K125520103087	NGUYỄN PHÚ LẬP	15/01/94	118112111					
17	PHI135003	KHAYAT ROMULO LHORRAINE	02/09/94	118112111					
18	DTK1151010568	NGUYỄN HOÀNG LONG	27/09/93	118111111					
19	DTK1151010354	BÙI THẾ LUÂN	14/08/92	118111111					Cấm Thi
20	DTK1151010408	NGUYỄN VĂN MINH	26/03/93	118111111					
21	K125520114034	ĐÀO NGỌC PHI	08/05/94	118112111					
22	DTK1151010359	NGUYỄN TIẾN PHÚC	29/12/93	118111111					
23	PHI135002	BUNGANAY IBARROLA SHARLENE	/ /	118112111					
24	DTK1151010045	NGUYỄN VĂN THỊNH	19/10/93	118111111					
25	K125520103237	DƯƠNG CHÍ THỨC	29/09/94	118112111					
26	CPC105017	CHHIN TOLA	18/10/92	118111111					
27	DTK1151010155	LÔ QUỐC TÙNG	20/09/93	118111111					
28	K125510601029	GIÁP VĂN VÂN	11/04/93	118112111					

Số S/V Trong Danh Sách: 28 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học **Thí nghiệm truyền nhiệt (MAE338) - Số Tín Chỉ: 1**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 47PM - Tổ 001 - Đợt 2**

Ngày Thi **02/12/15** Tiết BD **5 - Số Tiết 2** Phòng thi **A9-201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	DTK1051010496	PHẠM VĂN DŨNG	27/08/91	118111111					
2	DTK1151010337	ĐỒNG ĐỨC	25/08/93	118111111					
3	DTK1151060002	NGÔ TRUNG ĐỨC	23/04/93	118111111					
4	PHI135004	MANALASTAS WILLIAM ERICK	04/01/95	118112111					
5	DTK1151010391	PHẠM LONG HẢI	07/06/93	118111111					Cấm Thi
6	DTK1151010185	NGUYỄN QUỐC HUY	10/06/93	118111111					
7	DTK1151010134	ĐÀO THỊ THU HUYỀN	14/04/93	118111111					
8	DTK1151010345	LÊ DUY HƯNG	12/05/93	118111111					
9	PHI135001	BEBIT PREDILLA JAICA	08/11/94	118112111					
10	DTK1151010238	NGUYỄN BẢO KHÁNH	07/07/93	118111111					
11	DTK0951010039	ĐỖ VĂN KHÔI	26/04/91	118109111					Cấm Thi
12	PHI135005	MANALO LAUREL ZYRA KHRYSTYN	11/05/95	118112111					
13	PHI135003	KHAYAT ROMULO LHORRAINE	02/09/94	118112111					
14	DTK1151010568	NGUYỄN HOÀNG LONG	27/09/93	118111111					
15	DTK1151010354	BÙI THẾ LUÂN	14/08/92	118111111					Cấm Thi
16	DTK1151010408	NGUYỄN VĂN MINH	26/03/93	118111111					
17	DTK0951020324	PHAN NGỌC MINH	27/05/91	118109111					
18	DTK1151010359	NGUYỄN TIẾN PHÚC	29/12/93	118111111					
19	PHI135002	BUNGANAY IBARROLA SHARLENE	/ /	118112111					
20	DTK1151010045	NGUYỄN VĂN THỊNH	19/10/93	118111111					
21	DTK1151020217	PHẠM MINH TIẾN	03/11/93	118111111					Cấm Thi
22	CPC105017	CHHIN TOLA	18/10/92	118111111					
23	DTK1051010795	LÊ ANH TUẤN	17/11/92	118110111					Cấm Thi
24	DTK1151010051	NGUYỄN ANH TUẤN	15/06/93	118111111					Cấm Thi
25	DTK1151010155	LÔ QUỐC TÙNG	20/09/93	118111111					

Số S/V Trong Danh Sách: 25 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Phương pháp và tiến trình thiết kế (MAE451) - Số Tín Chỉ: 3

Nhóm Thi Nhóm Thi 47PM - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 08/12/15 **Tiết BD** 1 - Số Tiết 2 **Phòng thi** A9-202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	DTK0951060055	TRẦN ĐỨC	ANH	19/06/91	118109111					
2	DTK0951010090	ĐỒNG ĐỨC	DŨNG	31/07/91	118109111					
3	DTK1051010496	PHẠM VĂN	DŨNG	27/08/91	118111111					
4	DTK1151010337	ĐỒNG ĐỨC	DŨNG	25/08/93	118111111					
5	DTK1051010422	ĐỒNG VĂN	ĐỊNH	29/02/92	118110111					
6	DTK1151060002	NGÔ TRUNG	ĐỨC	23/04/93	118111111					
7	DTK1151010185	NGUYỄN QUỐC	HUY	10/06/93	118111111					
8	DTK1151010134	ĐÀO THỊ THU	HUYỀN	14/04/93	118111111					
9	DTK1151010345	LÊ DUY	HƯNG	12/05/93	118111111					
10	DTK1151010238	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	07/07/93	118111111					
11	DTK0951010039	ĐỖ VĂN	KHÔI	26/04/91	118109111					Cấm Thi
12	DTK1051010760	NGUYỄN TÙNG	LINH	21/05/92	118110111					
13	DTK1151010568	NGUYỄN HOÀNG	LONG	27/09/93	118111111					
14	DTK1151010354	BÙI THẾ	LUÂN	14/08/92	118111111					Cấm Thi
15	DTK1151010408	NGUYỄN VĂN	MINH	26/03/93	118111111					
16	DTK0951020324	PHAN NGỌC	MINH	27/05/91	118109111					
17	DTK1151010359	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	29/12/93	118111111					
18	DTK1051010770	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	21/04/92	118110111					
19	DTK1151010045	NGUYỄN VĂN	THỊNH	19/10/93	118111111					
20	CPC105017	CHHIN	TOLA	18/10/92	118111111					
21	DTK1051010708	NGUYỄN ANH	TÚ	02/07/91	118110111					
22	DTK1051010795	LÊ ANH	TUẤN	17/11/92	118110111					Cấm Thi
23	DTK1051020328	BÙI QUỐC	VIỆT	07/05/92	118110111					

Số S/V Trong Danh Sách: 23 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày _____ tháng _____ năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học Tự động hóa gia công (MAE464) - Số Tín Chỉ: 3

Nhóm Thi Nhóm Thi 47PM - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 11/12/15 Tiết BD 1 - Số Tiết 2 Phòng thi A9-301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	DTK1051010496	PHẠM VĂN DŨNG	27/08/91	118111111					
2	DTK1151010337	ĐỒNG ĐỨC DƯƠNG	25/08/93	118111111					
3	DTK1151060002	NGÔ TRUNG ĐỨC	23/04/93	118111111					
4	DTK1151010391	PHẠM LONG HẢI	07/06/93	118111111					Cấm Thi
5	DTK1151010185	NGUYỄN QUỐC HUY	10/06/93	118111111					
6	DTK1151010134	ĐÀO THỊ THU HUYỀN	14/04/93	118111111					
7	DTK1151010345	LÊ DUY HƯNG	12/05/93	118111111					
8	DTK1151010238	NGUYỄN BẢO KHÁNH	07/07/93	118111111					
9	DTK1151010568	NGUYỄN HOÀNG LONG	27/09/93	118111111					
10	DTK1151010354	BÙI THẾ LUÂN	14/08/92	118111111					Cấm Thi
11	DTK1151010408	NGUYỄN VĂN MINH	26/03/93	118111111					
12	DTK1151010359	NGUYỄN TIẾN PHÚC	29/12/93	118111111					
13	DTK1151010045	NGUYỄN VĂN THỊNH	19/10/93	118111111					
14	DTK1151020217	PHẠM MINH TIẾN	03/11/93	118111111					Cấm Thi
15	CPC105017	CHHIN TOLA	18/10/92	118111111					
16	DTK1151010155	LÔ QUỐC TÙNG	20/09/93	118111111					

Số S/V Trong Danh Sách: 16 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2